

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 11-01-2018

V/v tranh chấp HNGĐ -

Ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Mai Hương;

2. Ông Phạm Phước Tâm;

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Tấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 11 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 585/2017/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 10 năm 2017 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân gia đình – Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 239/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/11/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 134/2017/QĐST-HNGĐ ngày 22/12/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Ngô Quốc P, sinh năm 1977 ;

Địa chỉ: Số 303/6, tổ 28, khóm 3, phường 6, TP CL, Đồng Tháp.

Bị đơn: Chị Trần Thị Ánh N, sinh năm 1976 ;

Địa chỉ: Số 175, ấp 2, xã BHT, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 14/8/2017; biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 21/11/2017 và tại phiên tòa sơ thẩm anh Ngô Quốc P là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Vợ chồng anh P, chị N được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2004 và có đăng ký kết hôn ngày 31/12/2004 tại UBND phường 6, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc có 01 con chung. Nhưng sau đó vợ chồng không còn hòa hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên phát sinh mâu thuẫn. Năm 2007, chị N về nhà cha mẹ ruột sinh sống và để con lại cho anh P nuôi. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2007 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng không ai có ý hàn gắn tình cảm. Nay, mỗi người đã có

cuộc sống riêng. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh P yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Trần Thị Ánh N.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Ngô Quốc B, sinh ngày 19/4/2005. Hiện nay, con chung đang sống với anh P. Khi ly hôn, anh P yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là chị Trần Thị Ánh N đã được triệu tập các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia phiên hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. **Về tố tụng:** Anh Ngô Quốc P có đơn yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị Ánh N. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con*”.

Chị Trần Thị Ánh N là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ: Số 175, ấp 2, xã BHT, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Trần Thị Ánh N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Trần Thị Ánh N.

2. Về nội dung vụ án:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh P và chị N được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2004 và có đăng ký kết hôn ngày 31/12/2004 tại UBND phường 6, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp. Xét thấy, hôn nhân giữa anh P và chị N là hợp pháp, anh P yêu cầu xin ly hôn là có căn cứ vì: Do bất đồng quan điểm sống, đời sống chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và anh P, chị N đã sống ly thân nhau từ năm 2007 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng không ai có ý hàn gắn tình cảm. Hiện nay, mỗi người đều đã có cuộc sống riêng. Chị N đã nhận được các văn bản tố tụng, giấy triệu tập của Tòa án và biết nội dung anh P yêu cầu xin ly hôn chị ở Tòa án, nhưng không có ý kiến, không có mặt tại phiên tòa. Do đó xét hôn nhân giữa anh P và chị N đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của anh P.

- **Về con chung:** Vợ chồng có 01 con chung tên Ngô Quốc B, sinh ngày 19/4/2005, hiện đang sống chung với anh P. Khi ly hôn, anh P yêu cầu được quyền nuôi con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Căn cứ vào văn bản tự khai ngày 02/11/2017 thì cháu Ngô Quốc B có nguyện vọng được sống với anh P. Từ khi anh P, chị N ly thân đến nay anh P là người trực tiếp nuôi con chung; chị N không về chăm sóc con chung cũng như không chu cấp chi phí để nuôi con. Do đó, giao con chung tên Ngô Quốc B, sinh ngày 19/4/2005 cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con do anh P không yêu cầu.

Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh P trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án anh P phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh P đã nộp theo biên lai thu tiền số 16191 ngày 18/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh Ngô Quốc P.

1. Về hôn nhân: Anh Ngô Quốc P được ly hôn với chị Trần Thị Ánh N.

2. Về con chung:

Anh Ngô Quốc P được tiếp tục nuôi con chung tên Ngô Quốc B, sinh ngày 19/4/2005. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con do anh P không yêu cầu.

Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh P trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Anh Ngô Quốc P phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh P đã nộp theo biên lai thu tiền số 16191 ngày 18/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Hữu Hà